

KẾ HOẠCH

Triển khai công tác pháp chế; công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2023 và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật kỳ 2019 - 2023 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế và Thông tư số 01/2015/TT-BTP ngày 15 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn về nghiệp vụ thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức pháp chế, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai công tác pháp chế; công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật (sau đây viết là công tác văn bản quy phạm pháp luật) năm 2023 và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật kỳ 2019 - 2023 trên địa bàn tỉnh Gia Lai, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Triển khai công tác pháp chế, công tác văn bản quy phạm pháp luật, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật kỳ 2019 - 2023 bảo đảm chất lượng, hiệu quả; tuân thủ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP, Nghị định số 55/2011/NĐ-CP, Thông tư số 01/2015/TT-BTP và các văn bản khác có liên quan.

2. Nâng cao trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong triển khai các nhiệm vụ công tác pháp chế, công tác văn bản quy phạm pháp luật, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật kỳ 2019 - 2023.

3. Bảo đảm sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ công tác pháp chế, công tác văn bản quy phạm pháp luật, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật kỳ 2019 - 2023.

4. Tổ chức thực hiện Kế hoạch này bảo đảm hiệu quả, đúng nội dung và thời gian, tiến độ thực hiện.

5. Riêng hoạt động hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật kỳ 2019 - 2023 cần bảo đảm thêm các mục đích, yêu cầu sau:

a) Hoạt động hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật kỳ 2019 - 2023 nhằm công bố Tập hệ thống hóa văn bản còn hiệu lực tính đến hết ngày 31/12/2023 và các danh mục văn bản thể hiện kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật kỳ 2019 - 2023 (Danh mục văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực, gồm cả văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực một phần và văn bản đã được ban hành nhưng chưa có hiệu lực tính đến thời điểm hệ thống hóa; Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ; Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực một phần; Danh mục văn bản quy phạm pháp luật cần đình chỉ thi hành, ngưng hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới). Thông qua việc công bố kết quả hệ thống hóa văn bản, giúp công tác xây dựng, áp dụng, thi hành pháp luật được hiệu quả, thuận tiện, tăng cường tính công khai, minh bạch của hệ thống pháp luật; cập nhật kịp thời thông tin của văn bản vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

b) Hoạt động hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật kỳ 2019 - 2023 cần đáp ứng một số yêu cầu cơ bản sau:

- Tập hợp đầy đủ văn bản thuộc đối tượng hệ thống hóa và kết quả rà soát văn bản kỳ 2019-2023.

- Tuân thủ trình tự thực hiện hệ thống hóa văn bản theo quy định tại Điều 167 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP).

- Kịp thời công bố Tập hệ thống hóa văn bản còn hiệu lực và các danh mục văn bản thể hiện kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật kỳ 2019 - 2023.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Công tác pháp chế

a) Nội dung công việc

- Bố trí người làm công tác pháp chế bảo đảm tiêu chuẩn quy định tại Điều 12 Nghị định số 55/2011/NĐ-CP, có năng lực thực hiện các nhiệm vụ công tác pháp chế.

- Thực hiện các nhiệm vụ công tác pháp chế theo quy định của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP và Thông tư số 01/2015/TT-BTP về nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức pháp chế ở cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, doanh nghiệp nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Trách nhiệm thực hiện: Cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; doanh nghiệp nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Thời gian thực hiện: Thường xuyên trong năm 2023.

2. Công tác văn bản quy phạm pháp luật

a) Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

- Nội dung công việc: Xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân bảo đảm phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; bảo đảm tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính

thống nhất của văn bản với hệ thống pháp luật; tuân thủ đúng trình tự, thủ tục quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP; bảo đảm sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị.

- Trách nhiệm thực hiện:

+ Xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân: Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện.

+ Góp ý, thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh: Sở Tư pháp, các cơ quan, đơn vị có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên trong năm 2023.

b) Công tác kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật

- Nội dung công việc:

+ Thực hiện tự kiểm tra, kiểm tra văn bản theo thẩm quyền hoặc theo đề nghị của cơ quan, người có thẩm quyền bảo đảm toàn diện, kịp thời, khách quan, đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Chương VIII Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP).

+ Tham mưu xử lý hoặc xử lý văn bản theo kết luận kiểm tra, kiến nghị của cơ quan, người có thẩm quyền kiểm tra văn bản.

- Trách nhiệm thực hiện:

+ Tự kiểm tra, kiểm tra văn bản theo thẩm quyền: Giám đốc Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

+ Tự kiểm tra văn bản theo đề nghị của cơ quan, người có thẩm quyền: Giám đốc Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Thủ trưởng sở, ban, ngành cấp tỉnh.

+ Tham mưu xử lý hoặc xử lý văn bản: Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên trong năm 2023 hoặc theo kết luận, kiến nghị, đề nghị của cơ quan, người có thẩm quyền.

c) Công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật

- Nội dung công việc:

+ Thực hiện rà soát văn bản quy phạm pháp luật thường xuyên, ngay khi có căn cứ rà soát hoặc theo đề nghị của cơ quan, người có thẩm quyền bảo đảm tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định tại Chương IX Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP).

+ Tham mưu xử lý hoặc xử lý văn bản quy phạm pháp luật có nội dung trái, chông chéo, mâu thuẫn với văn bản là căn cứ để rà soát hoặc không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội hoặc toàn bộ/một phần đối tượng điều chỉnh của văn bản không còn hoặc có quan hệ xã hội cần điều chỉnh nhưng chưa có quy định pháp luật điều chỉnh.

- Trách nhiệm thực hiện: Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên trong năm 2023 hoặc theo đề nghị của cơ quan, người có thẩm quyền.

d) Cập nhật, đăng tải văn bản tại chuyên mục “Lấy ý kiến đối với việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ban hành” (sau đây viết là chuyên mục) trên Cổng/Trang thông tin điện tử

- Nội dung công việc:

+ Cập nhật, đăng tải văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân còn hiệu lực tại chuyên mục trên Cổng/Trang thông tin điện tử.

+ Tiếp nhận, tham mưu xử lý hoặc xử lý kiến nghị, phản ánh về văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tại chuyên mục trên Cổng/Trang thông tin điện tử.

- Trách nhiệm thực hiện: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên trong năm 2023.

3. Hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật kỳ 2019 - 2023

a) Đối tượng hệ thống hóa

- Đối với cấp tỉnh:

+ Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh trong Tập hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai trong kỳ hệ thống hóa từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (Phụ lục III) ban hành kèm theo Quyết định số 67/QĐ-UBND ngày 25 tháng 01 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành định kỳ từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018.

+ Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023 (gồm cả văn bản được ban hành nhưng chưa có hiệu lực).

- Đối với cấp huyện:

+ Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp huyện trong Tập hệ thống hóa của kỳ hệ thống hóa 2014 - 2018.

+ Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023 (gồm cả văn bản được ban hành nhưng chưa có hiệu lực).

b) Phạm vi hệ thống hóa

Các văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện được ban hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023 thuộc trách

nhiệm rà soát, hệ thống hóa của các cơ quan theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi, bổ sung tại Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật); Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP).

c) Nội dung công việc

- Tập hợp các văn bản thuộc đối tượng hệ thống hóa.
- Tập hợp kết quả rà soát văn bản thuộc đối tượng hệ thống hóa đã được thực hiện trước đó.
- Kiểm tra lại kết quả rà soát văn bản và rà soát bổ sung.
- Lập các danh mục văn bản: Danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ; Danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực một phần; Danh mục văn bản còn hiệu lực, gồm cả văn bản hết hiệu lực một phần và văn bản chưa có hiệu lực tính đến thời điểm hệ thống hóa; Danh mục văn bản cần đình chỉ thi hành, ngưng hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới.
- Sắp xếp các văn bản còn hiệu lực thành Tập hệ thống hóa văn bản.
- Công bố kết quả hệ thống hóa văn bản.

d) Cơ quan chủ trì: Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

đ) Cơ quan phối hợp: Cơ quan, đơn vị có liên quan.

e) Thời gian, tiến độ thực hiện

- Thời gian hoàn thành việc tập hợp các văn bản thuộc đối tượng hệ thống hóa và kết quả rà soát các văn bản để hệ thống hóa là **trước ngày 30 tháng 5 năm 2023** (tiếp tục được cập nhật đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023).

- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh chủ trì hệ thống hóa văn bản có nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của cơ quan mình hoặc văn bản đã chủ trì soạn thảo; gửi kết quả hệ thống hóa văn bản về Sở Tư pháp **chậm nhất trong ngày 10 tháng 01 năm 2024**.

- Sở Tư pháp kiểm tra lại kết quả hệ thống hóa văn bản, tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, công bố kết quả hệ thống hóa văn bản chung của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh **chậm nhất trong ngày 20 tháng 02 năm 2024**; gửi báo cáo kết quả hệ thống hóa văn bản về Bộ Tư pháp **chậm nhất trong ngày 20 tháng 3 năm 2024**.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện hệ thống hóa văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp mình ban hành.

4. Kiểm tra việc thực hiện công tác pháp chế, công tác văn bản quy phạm pháp luật

a) Nội dung công việc: Kiểm tra việc thực hiện công tác pháp chế, công tác văn bản quy phạm pháp luật.

b) Thời gian kiểm tra: Quý II, Quý III năm 2023.

c) Đối tượng kiểm tra

- Các Sở: Y tế, Khoa học và Công nghệ, Tài chính.

- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã: An Khê, Đak Đoa, Ia Grai.

d) Trách nhiệm thực hiện: Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan.

5. Tập huấn nghiệp vụ công tác văn bản quy phạm pháp luật

a) Nội dung công việc: Tập huấn kỹ năng xây dựng, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

b) Thời gian thực hiện: Quý II năm 2023.

c) Đối tượng tập huấn: Người làm công tác pháp chế; người làm công tác xây dựng, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật tại sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện.

d) Trách nhiệm thực hiện: Sở Tư pháp.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

a) Theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện Kế hoạch này.

b) Hướng dẫn việc báo cáo công tác pháp chế, công tác văn bản quy phạm pháp luật năm 2023, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật kỳ 2019 - 2023; tổng hợp, báo cáo Bộ Tư pháp, Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả triển khai công tác pháp chế, công tác văn bản quy phạm pháp luật năm 2023, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật kỳ 2019 - 2023 trên địa bàn tỉnh theo quy định pháp luật hoặc theo yêu cầu.

c) Về kiểm tra việc thực hiện công tác pháp chế, công tác văn bản quy phạm pháp luật

- Giám đốc Sở Tư pháp quyết định thành lập Đoàn kiểm tra công tác pháp chế, công tác văn bản quy phạm pháp luật (sau đây viết là Đoàn kiểm tra).

- Xây dựng, ban hành Kế hoạch kiểm tra, Đề cương báo cáo phục vụ kiểm tra.

- Tổ chức kiểm tra theo khoản 4 Mục II Kế hoạch này.

- Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả kiểm tra việc thực hiện công tác pháp chế, công tác văn bản quy phạm pháp luật.

d) Về tập huấn nghiệp vụ công tác văn bản quy phạm pháp luật

- Chuẩn bị các điều kiện, tổ chức tập huấn.

- Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả tổ chức tập huấn.

2. Trách nhiệm của sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Thực hiện các nội dung công việc được phân công tại Mục II Kế hoạch này.

b) Sở, ban, ngành cấp tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tư pháp) kết quả thực hiện công tác pháp chế, công tác văn bản quy phạm pháp luật năm 2023, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật kỳ 2019 - 2023 tại cơ quan, đơn vị theo quy định pháp luật và hướng dẫn của Sở Tư pháp.

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện tại địa phương; chỉ đạo triển khai công tác văn bản quy phạm pháp luật, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật kỳ 2019 - 2023 trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tư pháp) kết quả thực hiện công tác văn bản quy phạm pháp luật năm 2023, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật kỳ 2019 - 2023 tại địa phương (bao gồm kết quả của cấp huyện và cấp xã) theo quy định pháp luật và hướng dẫn của Sở Tư pháp.

d) Các cơ quan, đơn vị được kiểm tra nêu tại điểm c khoản 4 Mục II Kế hoạch này có trách nhiệm báo cáo đúng nội dung, thời gian theo yêu cầu của Sở Tư pháp, Đoàn kiểm tra; báo cáo phản ánh đầy đủ, chính xác việc thực hiện công tác pháp chế, công tác văn bản quy phạm pháp luật tại cơ quan, địa phương; cung cấp các tài liệu, văn bản có liên quan, tạo điều kiện để Đoàn kiểm tra thực hiện nhiệm vụ.

đ) Cử đại diện cơ quan, đơn vị tham gia tập huấn nghiệp vụ công tác văn bản quy phạm pháp luật đúng đối tượng.

IV. KINH PHÍ, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

1. Kinh phí triển khai các nội dung công việc tại Kế hoạch này từ nguồn ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao cho các cơ quan, đơn vị theo phân cấp quản lý ngân sách.

2. Các cơ quan, đơn vị bố trí cán bộ, công chức có năng lực, trình độ; bảo đảm cơ sở vật chất để thực hiện các nhiệm vụ công tác pháp chế, văn bản quy phạm pháp luật, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật kỳ 2019 - 2023.

Trong quá trình thực hiện, trường hợp có phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị gửi văn bản về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tư pháp) để kịp thời xem xét, xử lý. *T.B*

Nơi nhận:

- Bộ Tư pháp (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, NC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trương Hải Long
Trương Hải Long